**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1298/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2025
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Kim Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Nguyễn Thị Tường Thư

2/ Bà Nguyễn Thị Hương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:**

Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 26/5/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 3059/2024/TLST–HNGĐ ngày 30/12/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 25/4/2025; quyết định hoãn số 306/2025/QĐST–HNGĐ ngày 25/4/2025 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1980

Địa chỉ thường trú: 261 đường N, khu phố I, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

*2. Bị đơn:* Ông Phan Khắc C, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 261 đường N, khu phố I, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Bà Nguyễn Ngọc Y (gọi tắt là bà Y) trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và Ông Phan Khắc C (gọi tắt là ông C) có tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2002, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Thủ Đức ngày 26/12/2002. Sau kết hôn vợ chồng chung sống cùng ba vợ, bà nội bên vợ tại địa chỉ số 261 đường N, khu phố I, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời

gian đầu cuộc sống vẫn hạnh phúc nhưng từ năm 2005 ông C cờ bạc không sửa đổi nên bà có nhiều lần đề nghị ly hôn nhưng rồi thôi. Hai bên đã ly thân không sống chung từ năm 2021, không ai quan tâm đến ai. Nay bà xác nhận tình cảm vợ chồng không còn không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Ông Phan Khắc C;

- Về con chung: Có 03 con chung

01/ Phan Nguyễn Gia H (Nam), sinh ngày: 14/10/2003 – đã trưởng thành;

02/ Phan Nguyễn Gia H1 (Nữ), sinh ngày: 14/6/2005 - đã trưởng thành;

03/ Phan Nguyễn Gia L (Nữ), sinh ngày: 17/8/2014

Sau ly hôn, bà Y yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên;

- Về cấp dưỡng: Bà Y không yêu cầu cấp dưỡng

- Về tài sản chung; nợ chung: Bà Y tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu nội dung khởi kiện. Đồng thời, xác nhận ngoài các chứng cứ giao nộp cho Toà án, tại phiên tòa bà không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác, các thủ tục về việc giao nhận tài liệu, chứng cứ cho bị đơn, nguyên đơn đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

- Đối với bị đơn đã được Toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh về tình trạng cư trú của

Công an phường T, thành phố Thủ Đức thì bị đơn có cư trú tại địa chỉ: 261 đường N, khu phố I, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn đã được Toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn;

2. Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, hội đồng xét xử nhận thấy.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Y và Ông Phan Khắc C tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01/2002 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Thủ Đức cấp ngày 26/12/2002. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là hôn nhân hợp pháp.

Nhận thấy, theo như lời khai của nguyên đơn, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì bà Y và ông C kết hôn tự nguyện, quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được, nguyên nhân theo bà Y trình bày là do ông C cờ bạc, không có sự thay đổi nên hai bên bất đồng quan điểm, cãi nhau, đã cố hàn gắn nhưng không thành, thực tế đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Quá trình giải quyết vụ việc, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ gia đình nhưng bà Y xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, nên bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Tại phiên tòa, bà Y cho rằng ông C biết việc bà yêu cầu ly hôn, biết vợ chồng không thể cùng nhau chung sống nhưng ông C không hợp tác, thực tế vợ chồng đã sống ly thân không còn sự quan tâm, lo lắng gì đến nhau, trước khi yêu cầu ly hôn bà Y đã nhiều lần muốn ly hôn nhưng đã cố gắng vì con cái, tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng ông C không có sự thay đổi. Nên bà Y kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông C;

Đối với bị đơn, Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần theo quy định pháp luật để tham gia phiên tòa nhưng ông C vắng mặt không có lý do, cũng không có bất cứ văn bản ghi nhận ý kiến nào khác gửi cho Tòa án đối với yêu cầu ly hôn của bà Y, điều này cho thấy ông C cũng không còn sự quan tâm, không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà Y;

Nhận thấy, quan hệ hôn nhân vợ chồng phải được xây dựng trên nền tảng vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu nhau, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng thì phải chung sống cùng nhau, có tình nghĩa vợ chồng nhưng theo những gì bà Y trình bày và thừa nhận cho thấy giữa ông C và bà Y hiện không còn cuộc sống chung vợ chồng, nên mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận ;

2.2. Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự cũng như giấy khai sinh, tài liệu, chứng cứ do bà Y cung cấp có cơ sở xác định con tên Phan Nguyễn Gia H (Nam), sinh ngày: 14/10/2003 – đã trưởng thành; Phan Nguyễn

Gia H1 (Nữ), sinh ngày: 14/6/2005 - đã trưởng thành; Phan Nguyễn Gia L (Nữ), sinh ngày: 17/8/2014 – chưa thành niên là con chung của bà Y và ông C. Bà Y có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, nguyện vọng của con chưa thành niên cũng mong muốn được ở cùng với mẹ. Về cấp dưỡng ghi nhận sự tự nguyện của bà Y không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao con chung cho bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.3. Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 1 Điều 238, Điều 264, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Ngọc Y

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Nguyễn Ngọc Y và Ông Phan Khắc C;

1.2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Phan Nguyễn Gia L (Nữ), sinh ngày: 17/8/2014 cho bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; con tên Phan Nguyễn Gia H (Nam), sinh ngày: 14/10/2003 – đã trưởng thành; Phan Nguyễn Gia H1 (Nữ), sinh ngày: 14/6/2005 - đã trưởng thành;

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3 Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Y không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con;

1.4. Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Bà Nguyễn Ngọc Y phải chịu 300.000 đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0068309 ngày 27/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Nguyễn Ngọc Y đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Kim Trang**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**